

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày: 02/8/2018

V/v “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GL

- Thành phần Hội đồng sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do

2. Bà Nguyễn Thị Chín

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh GL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh GL tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh GL xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01^A/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20^A/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1968. Có mặt

Địa chỉ: 574 HV, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh GL.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thục Đ, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn HL 2, xã K'D, huyện Đ, tỉnh GL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2016 đến nay, bà D có quan hệ giao dịch mua bán nông sản gồm tiêu, cà phê với bà Phạm Thị Thục Đ, địa chỉ thôn HL 2, xã K'D, huyện Đ, tỉnh GL. Trong quá trình giao dịch làm ăn ban đầu bà Đ tỏ ra rất có uy tín, tạo được niềm tin cho bà D. Do đó vào ngày 19/01/2017 tại trụ sở Doanh nghiệp của bà D ở tại thị trấn huyện CS, huyện CS, tỉnh GL, bà D với bà Đ đã đồng ý ký thỏa thuận “Hợp đồng mua bán nông sản” cụ thể như sau:- Bên B (Bà Đ) đã đồng ý bán cho bên A(bà D) hàng nông sản là cà phê nhân xô với số lượng là 20.884 Kg với tiêu chuẩn độ ẩm 15%, tạp chất 1% (nếu vượt tỷ lệ sẽ từ vào tạp chất); đơn giá 44.600Đ/kg, thành tiền 929.196.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bà D đã đồng ý cho bà Đ ứng toàn bộ số tiền là 929.196.000 đồng, Hai bên thỏa thuận ngày 20/02/2017 bà Đ sẽ giao hàng với số lượng 20.884kg tại kho của bà Đ. Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm túc Hợp đồng nói trên. Nếu bên B không giao hàng đúng hạn thì sẽ bị phạt 10%/ngày/tổng số tiền bên A ứng cho bên B và hoàn trả lại số tiền ứng cộng với tiền phạt cho bên A chậm nhất trong 03 ngày.

Tuy nhiên sau đó bà Đ không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết và đến nay vẫn không giao hàng cho bà D cũng không trả số tiền 929.196.000 đồng đã ứng của bà D. Tuy nhiên đến ngày 26/5/2017 thì bà Đ đã trả được cho bà D 50.000.000 đồng bằng hình thức gán nợ cho bà D một chiếc xe tải mang biển số 81M-17.63 và một cối xay cà phê nên hiện tại bà Đ còn nợ bà D 879.196.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D yêu cầu bà Đ phải trả ngay cho bà D số tiền nợ gốc là 879.196.000 đồng và lãi suất 01%/tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 24/02/2017 tới ngày xét xử hôm nay ngày 02/8/2018 với số tiền là 152.100.908 đồng.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Thục Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại bản tự khai, quá trình hòa giải tại Tòa án bà Đ trình bày:

Bà Đ thừa nhận vào đầu năm 2015 đến đầu năm 2016 bà Đ có quen và buôn bán với bà Phạm Thị D. Trong quá trình buôn bán thua lỗ nên bà Đ có nợ bà D tổng cộng 20.884 kg cà phê quy ra tiền là 929.196.000 đồng đến ngày 26/5/2017 thì bà Đ đã trả được cho bà D 50.000.000 đồng bằng hình thức gán nợ cho bà D

một chiếc xe tải mang biển số 81M-17.63 và một cối xay cà phê nên hiện tại bà Đ còn nợ bà D số tiền 879.196.000 đồng. Bà Đ đồng ý trả cho bà D số tiền nợ gốc là 879.196.000 đồng và lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ gốc như bà D yêu cầu. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ và hoàn cảnh khó khăn nên bà Đ xin bà D cho trả tiền nợ gốc và tiền lãi trên làm 03 lần cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 01/02/2019 bà Đ sẽ trả bà D số tiền 300.000.000 đồng; Lần thứ hai vào ngày 01/02/2020 bà Đ sẽ trả bà D số tiền 300.000.000 đồng; Lần thứ ba vào ngày 01/02/2021 bà Đ sẽ trả bà D số tiền 279.196.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi trên tổng số tiền nợ gốc.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227 BLTTDS; các Điều 278; Điều 351; Điều 357; Điều 430 và Điều 434 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền là 879.196.000 đồng và lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ gốc như nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn bà Phạm Thị Thục Đ. Tuy nhiên bà Đ không đến tham gia phiên tòa. Việc bà Đ không đến tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Thục Đ.

[2] Về nội dung:

Vào thời gian vào ngày 19/01/2017 tại trụ sở Doanh nghiệp của bà Phạm Thị D ở tại thị trấn huyện CS, huyện CS, tỉnh GL, bà Đ với bà D đã đồng ý ký thỏa thuận “Hợp đồng mua bán nông sản” cụ thể như sau:- Bên B (Bà Đ) đã đồng ý bán

cho bên A(bà D) hàng nông sản là cà phê nhân xô với số lượng là 20.884 kg với tiêu chuẩn độ ẩm 15%, tạp chất 1% (nếu vượt tỷ lệ sẽ từ vào tạp chất); đơn giá 44.600đ/kg, thành tiền 929.196.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bà D đã đồng ý cho bà Đ ứng toàn bộ số tiền là 929.196.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ngày 20/02/2017 bà Đ sẽ giao hàng với số lượng 20.884 kg tại kho của bà Đ. Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm túc hợp đồng nói trên. Nếu bên B không giao hàng đúng hạn thì sẽ bị phạt 10%/ngày/tổng số tiền bên A ứng cho bên B và hoàn trả lại số tiền ứng cộng với tiền phạt cho bên A chậm nhất trong 03 ngày. Tuy nhiên sau đó bà Đ không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết và đến nay vẫn không giao hàng cho bà D cũng không trả lại số tiền 929.196.000 đồng đã ứng của bà D. Nhưng đến ngày 26/5/2017 thì bà Đ đã trả được cho bà D 50.000.000 đồng bằng hình thức gán nợ cho bà D một chiếc xe tải mang biển số 81M-17.63 và một cối xay cà phê nên hiện tại bà D còn nợ bà Đ 879.196.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đ cũng đã thừa nhận vấn đề này. Xét “Hợp đồng mua bán nông sản” giữa bà D và bà Đ là một hợp đồng dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, nhưng khi thực hiện hợp đồng trên thì bà Đ là bên vi phạm. Bà Đ đã không giao hàng và cũng không thực hiện việc trả lại tiền đã ứng theo cam kết trong hợp đồng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn bà Đ phải trả số tiền đã ứng để cất cà phê mà bà Đ còn nợ lại của bà D là 879.196.000 đồng. Việc bà Đ không đến phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Từ những nhận định trên thấy rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 879.196.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về khoản lãi: Nguyên đơn bà Phạm Thị D yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Thực Đ phải trả lãi suất 01%/tháng trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 24/2/2017 tới ngày xét xử hôm nay ngày 02/8/2018 là 152.100.908 đồng. Trong quá trình hòa giải bà Đ cũng đồng ý với yêu cầu trả tiền lãi trên của nguyên đơn. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với

“Hợp đồng mua bán nông sản” mà bị đơn và nguyên đơn đã ký với nhau. Do vậy Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn bà Đ có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn bà D số tiền lãi tính mức lãi suất bằng 01%/ tháng của số tiền 879.196.000 đồng, tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 24/2/2017 cụ thể là: Đối với số tiền 879.196.000 đồng tính từ ngày 24/2/2017 tới ngày xét xử hôm nay ngày 02/8/2018 là 17 tháng 09 ngày. Vậy số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 152.100.908 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Áp dụng: Điều 278; Điều 351; Điều 357; Điều 430 và Điều 434 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị D.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Thục Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị D số tiền nợ gốc là 879.196.000 đồng và số tiền nợ lãi là 152.100.908 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.031.296.908 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Phạm Thị Thục Đ có nghĩa vụ nộp số tiền 42.938.907 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn chín trăm lẻ bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn Trả lại cho bà Phạm Thị D số tiền 24.948.192 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn một trăm chín mươi hai đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002564 ngày 09/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh GL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh GL xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh GL;
- VKSND tỉnh GL;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)
Bùi Viết Minh Quân